TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 974/2026/DS-PT
Ngày 10/8/2026
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 753/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2026/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1117/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Số C, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Thị Thanh T** (có mặt); Luật sư **Nguyễn Như H**, (vắng mặt)

Địa chỉ: D T, phường C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1962. (vắng mặt)

3/ Bà **Nguyễn Thị Thanh Đ**, sinh năm 1969. (có mặt)

4/ Bà **Nguyễn Thị Sa L**, sinh năm 1970. (vắng mặt)

5/ Ông **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1974. (có mặt)

6/ Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà **Trần Thị Đoan T2** (Văn bản uỷ quyền ngày 12/12/2025 và Văn bản uỷ quyền ngày 18/12/2025) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1, bà Đ, bà Sa L: Luật sư **Huỳnh Trí S** – Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Văn phòng C2** (xin vắng)

Địa chỉ: Số F N, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ.

2/ Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, tổ D, khu V, phường H, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn B: Luật sư **Nguyễn Thị Thanh T** (có mặt); Luật sư **Nguyễn Như H**, (vắng mặt)

Địa chỉ: D T, phường C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Sinh thời cha mẹ nguyên đơn, bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ1 (chết năm 2021) và bà Đoàn Thị C1 (chết năm 2024) có tạo lập khối tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 16.206m^2, thuộc các thửa 581, 586 và 587, toạ tại phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường H, thành phố Cần Thơ). Phần đất này đã bị thu hồi, bồi thường một lần lúc cha, mẹ ông còn sống nhưng không rõ diện tích thu hồi là bao nhiêu và gia đình đã thoả thuận nhận tiền bồi thường và nền tái định cư xong, không có tranh chấp. Đến năm 2021 phần đất còn lại tiếp tục bị thu hồi để xây dựng Khu công nghiệp H, và số tiền bồi thường cho phần đất này là 7.934.377.864 đồng bà Sa L đang giữ, còn lại số tiền 1.278.571.000đồng chưa nhận và 02 nền tái định cư 32B7, 34B7, toạ lạc tại phường H, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, đến thời điểm nhận tiền bồi thường vào khoảng tháng 3/2025, do cha, mẹ ông đã qua đời nên không lãnh tiền bồi thường được. Vì vậy, các anh chị em có thoả thuận để uỷ quyền cho 03 người đi nhận tiền bồi thường và nhận 02 nền tái đinh cư 32B7 và 34B7. Tuy nhiên, sau khi ông Lâm lãnh tiền bồi thường 7.934.377.864đồng mà không chia lại cho ông và ông B. Về phần 02 nền tái định cư thì bà Sa L và bà Đ đã tự ý lấy mỗi người một nền, trong khi lần thu hồi đất

trước đây đã được cấp một lần 07 nên tái định cư bà Sa L và bà Đ đã được nhận, còn ông và ông B chưa có nhận nền tái định cư.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế vô hiệu, yêu cầu chia di sản thừa kế là toàn bộ số tiền bồi thường mà cha mẹ ông để lại theo quy định của pháp luật cho tất cả 08 anh chị em của ông. Ngoài ra, ông yêu cầu chia 02 nền tái định cư và ông nhận nền 32B7, ông B nhận nền 34B7, ông không nhận giá trị nền tái định cư và không đồng ý việc định giá để chia giá trị nền tái định cư. Ngoài ra, ông đề nghị Toà án đưa vụ án ra xét xử mà không cần phải hoà giải nữa, không cần phải định giá nền tái định cư và ông cũng sẽ không làm đơn yêu cầu thẩm định giá.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Thửa đất số 581, 586 và 587, tờ bản đồ số 04 là do ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Đoàn Thị C1 tạo lập, được UBND huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/1993 với hộ ông Nguyễn Văn Đ1. Khi Nhà nước quy hoạch Khu tái định cư H I và đã thu hồi toàn bộ diện tịch thửa đất 581, tờ bản đồ số 4 với diện tích 12.523m^2 (tách thửa 581: 1.091m^2). Tổng diện tích còn lại của hộ ông Đ1 là 3.683m^2 đã chỉnh lý trang 4 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/8/2004. Khi đó ông Nguyễn Văn Đ1 còn sống và định đoạt toàn bộ.

Sau đó Nhà nước tiếp tục quy hoạch xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu công nghiệp H và tiếp tục thu hồi phần diện tích đất thuộc thửa 586 và 587, tờ bản đồ số 4, theo Quyết định số 1500/QĐ-UB ngày 08/5/2022 của UBND tỉnh C (cũ). Vào ngày 15/11/2021, UBND quận C, thành phố Cần Thơ (cũ) có Quyết định số 4915/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1, ảnh hưởng dự án Khu tái định cư thuộc Khu công nghiệp H (Tái định cư T) (đợt 6) với số tiền 6.148.972.912đồng. Đến ngày 29/11/2024, UBND quận C, thành phố Cần Thơ (cũ) có Quyết định số 2922/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 4915/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND quận C, thành phố Cần Thơ (cũ); điều chỉnh tăng tổng số tiền bồi thường là 7.934.377.864 đồng và 02 nền tái định cư số 32B7 và bà 3, mỗi nền có diện tích 80m^2. Về giá nền tái định cư thì bị đơn phải đóng tiền theo giá nhà nước, không phải cấp nền tái định cư miễn phí. Đến nay Ủy ban nhân dân thành phố C chưa ban hành quyết định về giá nên bị đơn chưa đóng tiền và chưa được cấp giấy chứng nhận.

Sau khi ông Đ1, bà C1 qua đời, hàng thừa kế thứ nhất gồm 08 người con người có khai sinh đầy đủ gồm: Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Thanh Đ, Nguyễn Thị Sa L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn T1. Các con của ông Đ1, bà C1 đã tiến hành lập thủ tục thừa kế theo

quy định của pháp luật do Văn phòng C2, số F đường N, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ công chứng. Tất cả 08 người đồng lập văn bản thỏa thuận và cam kết về tải sản; trong đó, có 05 người lập văn bản từ chối di sản thừa kế (lập văn bản riêng) và để lại cho 03 người nhận di sản thừa kế (có lập văn bản nhận riêng) là bà Nguyễn Thị Sa L và ông Nguyễn Văn L1 nhận tiền (đã nhận số tiền 7.934.377.864đồng), bà Nguyễn Thị Thanh Đ nhận nền số 32B7, bà Nguyễn Thị Sa L nhận nền số 34B7.

Việc lập Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế và lập văn bản từ chối nhận di sản thừa kế đã được 08 người con của hộ ông Nguyễn Văn Đ1, bà Đoàn Thị C1 lập thủ tục theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật tại Văn phòng C2. Tại thời điểm thực hiện lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và lập văn bản từ chối nhận di sản thừa kế nêu trên thì tất cả những người ký văn bản đều đảm bảo đủ sức khỏe bình thường, đủ năng lực hành vi dân sự, tinh thần minh mẫn, không bị ép buộc và tự định đoạt các quyền hợp pháp của mình theo thủ tục, không trái với quy định của pháp luật.

Đối với Vi bằng ngày 12/11/2025 do nguyên đơn cung cấp thì có sự việc ghi nhận các anh, em nói chuyện giải thích việc ký Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế là đúng. Ông K biết nội dung của văn bản và đã đồng ý ký tên, không ai ép buộc. Sau khi nhận tiền bồi thường bị đơn đã mua 01 nền thổ cư, một nền nông nghiệp với số tiền 1.500.000.000đồng, xây dựng mồ mả và nhà thờ cúng là 500.000.000đồng. Ngoài ra, bị đơn xây dựng nhà từ đường trên 02 nền tái định cư 32B7 và 34B7 theo hợp đồng xây dựng có giá trị 3.400.000.000đồng. Bị đơn trích ra 1.500.000.000đồng để trả lại chi phí nuôi dưỡng, mai táng ông Đ2 và bà C1. Như vậy, tổng số tiền bị đơn đã sử dụng để mua đất, xây dựng mồ mả ông, bà, cha, mẹ và xây từ đường, trừ chi phí lo cho cha, mẹ là 6.900.000đồng, còn số tiền được làm tròn là 1.000.000.000đồng. Ngoài ra, còn số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.278.581.000đồng bị đơn chưa nhận. Vì vậy, bị đơn chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1/ Đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn do không có căn cứ đối với việc yêu cầu tuyên bố Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2025 vô hiệu;

2/ Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện về việc nguyên đơn yêu cầu được nhận nền tái định cư 32B7 và ông B nhận nền 34B7;

3/ Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối số tiền 7.934.377.864đồng cho 08 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Đối với yêu cầu chia số tiền còn lại 1.278.581.000đồng và số tiền còn lại bị đơn đang giữ 1.000.000.000đồng thì bị đơn đồng ý chia theo quy định của pháp luật cho 08 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn B trình bày:

Sinh thời cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn Đ1 (chết năm 2021) và bà Đoàn Thị C1 (chết năm 2024) có tạo lập khối tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 16.206m^2, thuộc các thửa 581, 586 và 587, toạ tại phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường H, thành phố Cần Thơ). Phần đất này đã bị thu hồi, bồi thường một lần lúc cha, mẹ ông còn sống nhưng không rõ diện tích thu hồi là bao nhiêu và gia đình đã thoả thuận nhận tiền bồi thường và nền tái định cư xong, không có tranh chấp. Đến năm 2021 phần đất còn lại tiếp tục bị thu hồi để xây dựng Khu công nghiệp H, và số tiền bồi thường cho phần đất này là 7.934.377.864đồng bà Sa L đang giữ, 1.278.571.000đồng chưa nhận và 02 nền tái định cư 32B7 và 34B7, toạ lạc tại phường H, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, đến thời điểm nhận tiền bồi thường vào khoảng tháng 3/2025, nhưng do cha mẹ ông đã qua đời nên không lãnh tiền bồi thường được. Vì vậy, các anh chị em có thoả thuận để uỷ quyền cho 03 người đi nhận tiền bồi thường và nhận 02 nên tái định cư 32B7 và 34B7. Do anh chị em trong gia đình và tin tưởng vào việc uỷ quyền để nhận tiền bồi thường về chia cho các anh chị em nên ông đã ký Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế. Tuy nhiên, sau khi ông L1 là người trực tiếp đi nhận tiền thì không chia lại cho các anh chị em, đồng thời bà Sa L đã tự ý lấy 01 nền tái định cư và bà Đ cũng đã lấy một nền. Hơn nữa trước đây Nhà nước đã cấp 07 nền tái định cư, các anh chị em ai cũng được 01 nền, nhưng chỉ có ông và ông K chưa nhận nền tái định cư.

Vì vậy, ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K về việc chia đều tổng số tiền bồi thường cho 08 anh chị em mỗi người một phần bằng nhau, đồng thời yêu cầu chia cho ông 01 nền tái định cư số 34B7 và chia cho ông K 01 nền số 32B7. Ông yêu cầu được nhận nền tái định cư, không nhận giá trị và cũng không đồng ý định giá nền tái định cư. Ông đề nghị Toà án đưa vụ án ra xét xử, không cần phải hoà giải và ông cũng không làm đơn yêu cầu thẩm định giá nền tái định cư. Ngoài ra, ông xác định sẽ không làm đơn yêu cầu độc lập về việc chia di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Văn phòng C2 khai:

Ngày 03/3/2025, Văn phòng C2 có chứng nhận Văn bản từ chối di sản thừa kế theo pháp luật số 903, quyển số 03/2025TP/CC-SCC/HĐGD của: bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T1. Tại thời điểm tiếp nhận và giải quyết yêu cầu công chứng đối với văn bản công chứng nêu trên, Văn phòng C2 đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu tuyên bố Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2025, Văn phòng C2 không có ý kiến và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2026/DS – ST ngày 09/02/2026 Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đã tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2025 vô hiệu, và yêu cầu chia di sản thừa kế trên tổng số tiền 7.934.377.864đồng và 02 nền tái định cư 32B7 và 34B7.

Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1, bà Đoàn Thị C1 là số tiền còn lại 1.067.334.300đồng (bà Sa L đang giữ) và số tiền 1.278.129.000đồng (chưa nhận) theo Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 của UBND quận C, thành phố Cần Thơ. Ông Đ1, bà C1 có 08 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người được nhận 1/8 trị giá tài sản thừa kế.

Chia di sản thừa kế của ông Đ1 và bà C1 cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Sa L, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn T1 mỗi người được chia 01 suất thừa kế là 1/8 của số tiền 1.067.334.300đồng (bà Sa L đang giữ) là 133.416.000đồng (làm tròn). Bà Sa L có trách nhiệm giao lại số tiền cho bà M, ông C, ông K, bà Đ, ông B, ông L1 và ông T1 mỗi người là 133.416.000đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Sa L, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn T1 mỗi người được chia 01 suất thừa kế 1/8 của số tiền 1.278.129.000đồng (chưa nhận) là 159.766.125đồng và tự liên hệ Cơ quan có thẩm quyền chi trả tiền, bồi thường hỗ trợ để nhận số tiền được chia.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền kháng cáo, án phí, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, nguyên đơn Nguyễn Văn K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ còn lại

1.067.334.300 đồng do bà Nguyễn Thị Sa L đang quản lý, các đương sự thống nhất giao số tiền này cho các bị đơn

Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ 1.278.129.000 đồng chưa nhận theo Quyết định số 1526/QĐ – UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của quận C, thành phố Cần Thơ, các đương sự thống nhất việc phân chia như sau:

Ông Nguyễn Văn K được nhận số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);

Ông Nguyễn Văn B được nhận số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);

Số tiền còn lại 378.129.000 đồng được chia đều cho 06 bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Sa L, ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn T1, mỗi người được nhận 63.021.500 đồng. Số tiền 1.278.129.000 đồng nêu trên các đương sự có trách nhiệm liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền được phân chia theo thỏa thuận nêu trên. Trường hợp số tiền 1.278.129.000 đồng phát sinh tiền lãi thì toàn bộ số tiền lãi phát sinh thuộc về 06 bị đơn và được chia đều cho 06 bị đơn nêu trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận. Việc thỏa thuận là phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận định của Hội đồng xét xử: Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự, thống nhất về nội dung và phương thức giải quyết vụ án. Do đó, có căn cứ chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm nên điều chỉnh lại án phí sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận các đương sự như sau. Sửa bản án sơ thẩm số 50/2026/DS – ST ngày 09/02/2026 Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

1. Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ còn lại 1.067.334.300 đồng do bà Nguyễn Thị Sa L đang quản lý, các đương sự thống nhất giao số tiền này cho các bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Sa L, ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn T1 tự thỏa thuận chia số tiền này.

2. Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ 1.278.129.000 đồng các đương sự chưa nhận theo Quyết định số 1526/QĐ – UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ các đương sự thống nhất việc phân chia như sau:

Ông Nguyễn Văn K được nhận số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);

Ông Nguyễn Văn B được nhận số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);

3. Số tiền còn lại 378.129.000 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) được chia đều cho 06 bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Sa L, ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn T1, mỗi người được nhận 63.021.500 đồng. Số tiền 1.278.129.000 đồng nêu trên các đương sự có trách nhiệm liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để nhận số tiền được phân chia theo thỏa thuận nêu trên. Trường hợp số tiền 1.278.129.000 đồng phát sinh tiền lãi thì toàn bộ số tiền lãi phát sinh thuộc về 06 bị đơn và được chia đều cho 06 bị đơn nêu trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà M, ông C, ông K là người cao tuổi nên được miễn;

+ Bà Đ, bà Sa L, ông L1 và ông T1 mỗi người phải chịu 12.045.500 đồng. Ông B phải nộp 22.000.000 đồng.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003758 ngày 27/02/2026.

5. Về án phí phúc thẩm: Các nguyên đơn ông K, ông B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 3- Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Quốc